

lóng juǎn fēng
龙卷风

shuǐ zāi
水灾

jù fēng
飓风

tǔ shí liú
土石流

dì zhèn
地震

hàn zāi
旱灾

yě huǒ
野火

hǎi xiào
海啸

quán qiú nuǎn huà
全球暖化

